

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AVITEK VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AVITEK VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM AVITEK TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108487879

**3. Ngày thành lập:** 29/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 77 ngách 26 ngõ Thái Thịnh 2, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0364116666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                  | 4322     |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4641     |
| 4.  | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6312     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                | 4649     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung | 4329     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                               | 4659     |
| 8.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Dịch vụ trò chơi trực tuyến; đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, internet                                                                                                                                           | 6190     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1811        |
| 10. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1812        |
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị;<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi;<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                                                                                        | 4719        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                 | 6209        |
| 13. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                    | 7320        |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                          | 4652        |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                              | 7410        |
| 16. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự<br>Chi tiết: sửa chữa, làm mới, đánh bóng giường, tủ, bàn, ghế, kể cả đồ dùng văn phòng                                                                                                                                               | 9524        |
| 17. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                 | 4753        |
| 18. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                   | 8230        |
| 19. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                   | 2620        |
| 20. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5820        |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn | 7730        |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4759        |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                        | 4752        |
| 24. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6201(Chính) |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                         | 4651        |
| 26. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                   | 9511        |
| 27. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9512        |
| 28. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>- Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v..                                                         | 6399        |

|     |                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                | 2630 |
| 30. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                     | 4742 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                  | 9521 |
| 32. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                    | 2610 |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                       | 4663 |
| 34. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ | 4784 |
| 35. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4741 |
| 36. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                            | 2640 |
| 37. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                           | 7110 |
| 38. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết: Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo ...;                                                                                                       | 7729 |
| 39. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                           | 6202 |
| 40. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                            | 6311 |
| 41. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                     | 7310 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 990.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LAI TIẾN TÙNG | Tổ 1, khu chợ, Thị Trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 99.000     | 990.000.000           | 10,000    | 001077002279                                                                                |         |
|     |               |                                                                                           | Tổng số           | 99.000     | 990.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM THỊ BÌNH | Số 96 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 247.500    | 2.475.000.000         | 25,000    | 100120354                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                           | Tổng số           | 247.500    | 2.475.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                                        |                   |         |               |        |              |  |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 3 | LÊ ANH TÚ     | Số 11 ngõ Hòa Bình 2, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 198.000 | 1.980.000.000 | 20,000 | 012916165    |  |
|   |               |                                                                                        | Tổng số           | 198.000 | 1.980.000.000 | 20,000 |              |  |
| 4 | ĐẶNG MINH ĐỨC | Số 43 phố Tôn Đức Thắng, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 445.500 | 4.455.000.000 | 45,000 | 001080006487 |  |
|   |               |                                                                                        | Tổng số           | 445.500 | 4.455.000.000 | 45,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ BÌNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1957

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 100120354

Ngày cấp: 19/11/2012

Nơi cấp: Công an Quảng Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 96 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ C1101 nhà hỗn hợp cao tầng ở và làm việc Lilama 124 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội